



**ISPAAE**

**Số Tháng 5/2026**

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH  
XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG LÂM THỦY SẢN**

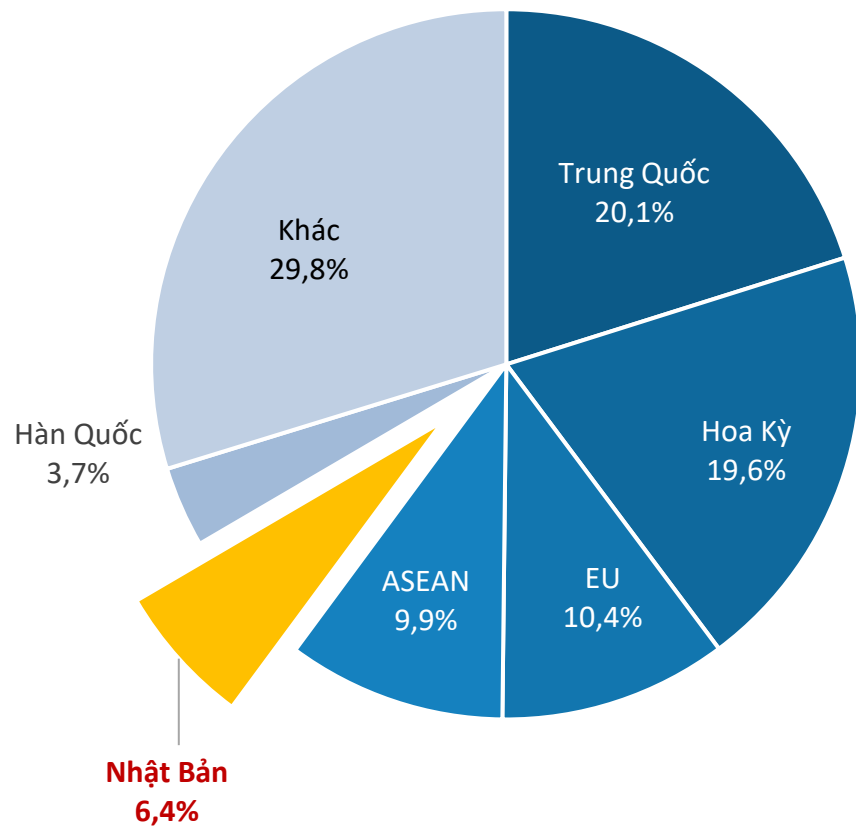
**THỊ TRƯỜNG NHẬT BẢN**

Thực hiện: **AGREINFOS**



# TÌNH HÌNH XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG LÂM THỦY SẢN VIỆT NAM SANG THỊ TRƯỜNG NHẬT BẢN THÁNG 4/2026

Tỷ trọng xuất khẩu NLTS Việt Nam - Nhật Bản, T4/2026



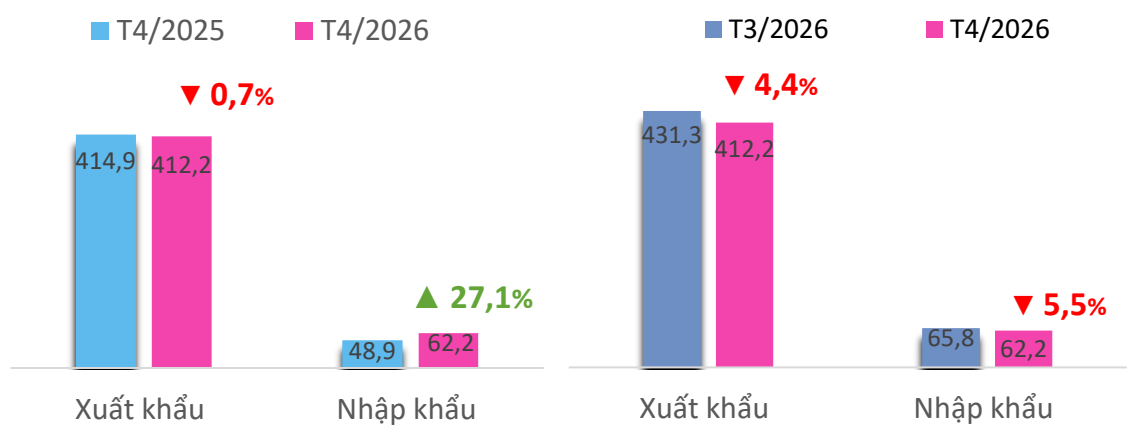
Biến động tỷ trọng xuất khẩu NLTS sang thị trường Nhật Bản, T4/2026 so với T3/2026 và T4/2025

Thị trường	Giá trị (triệu USD)	So với T3/2026	So với T4/2025
Trung Quốc	1.288	▲ 0,7%	▲ 2,3%
Hoa Kỳ	1.256	▲ 0,8%	▼ 0,9%
EU	665	▼ 1,5%	▼ 1,6%
ASEAN	636	▼ 0,4%	▲ 0,1%
<b>Nhật Bản</b>	<b>412</b>	<b>▼ 0,4%</b>	<b>▼ 0,3%</b>
Hàn Quốc	235	▲ 0,5%	▲ 0,2%
<b>Tổng XK</b>	<b>6.399</b>		

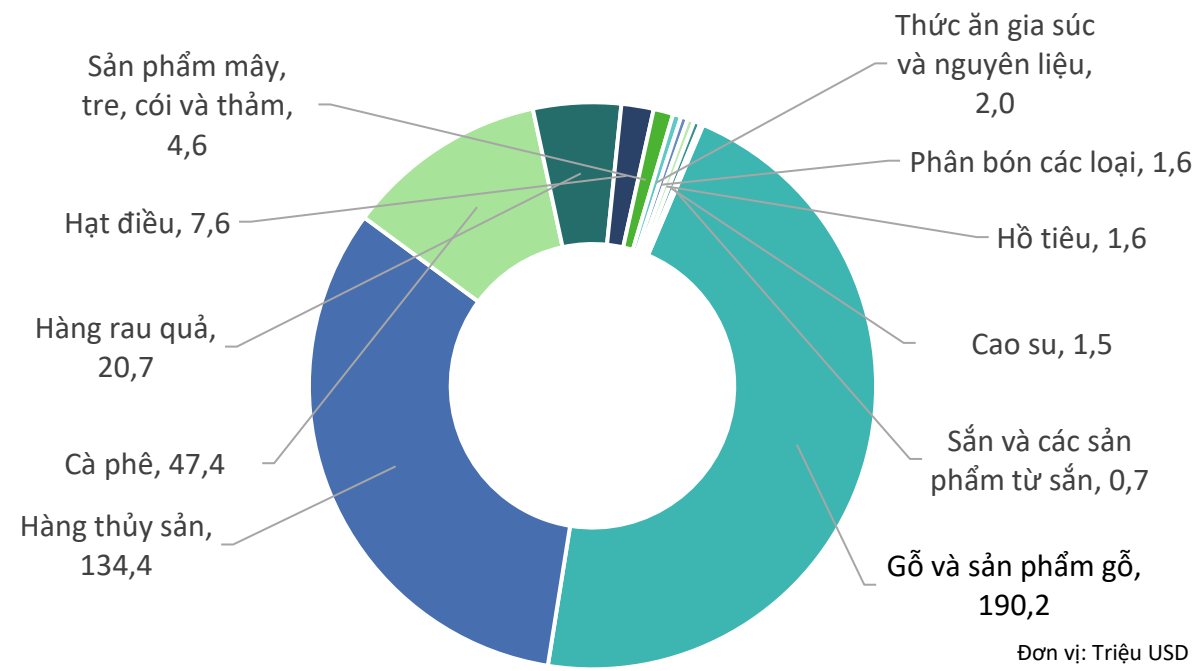
# TÌNH HÌNH XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG LÂM THỦY SẢN VIỆT NAM SANG THỊ TRƯỜNG NHẬT BẢN THÁNG 4/2026

Đơn vị: Triệu USD

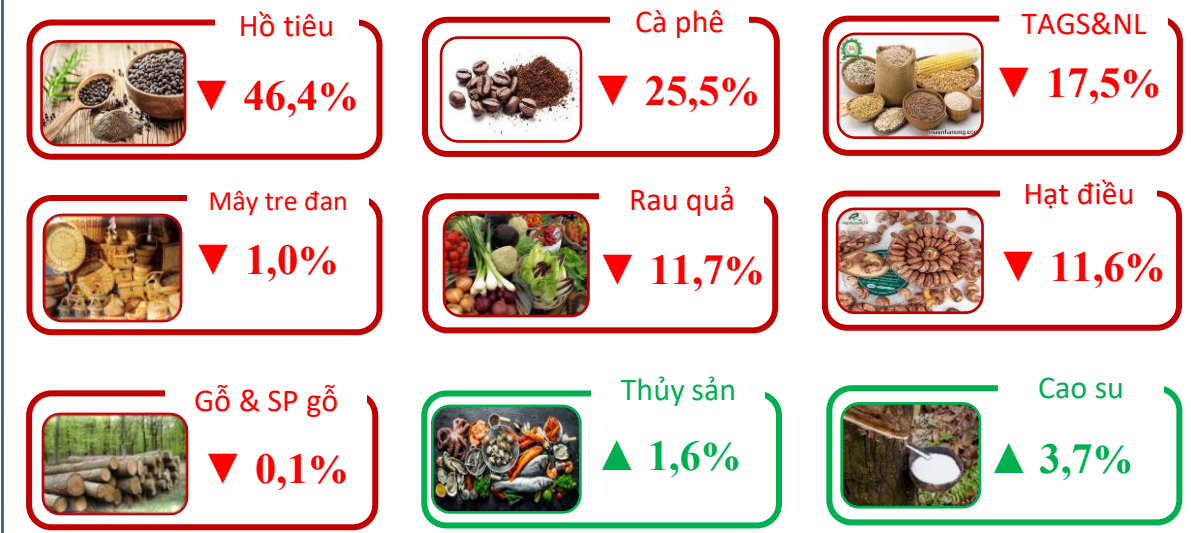
## Kim ngạch xuất nhập khẩu NLTS Việt Nam - Nhật Bản, T4/2026



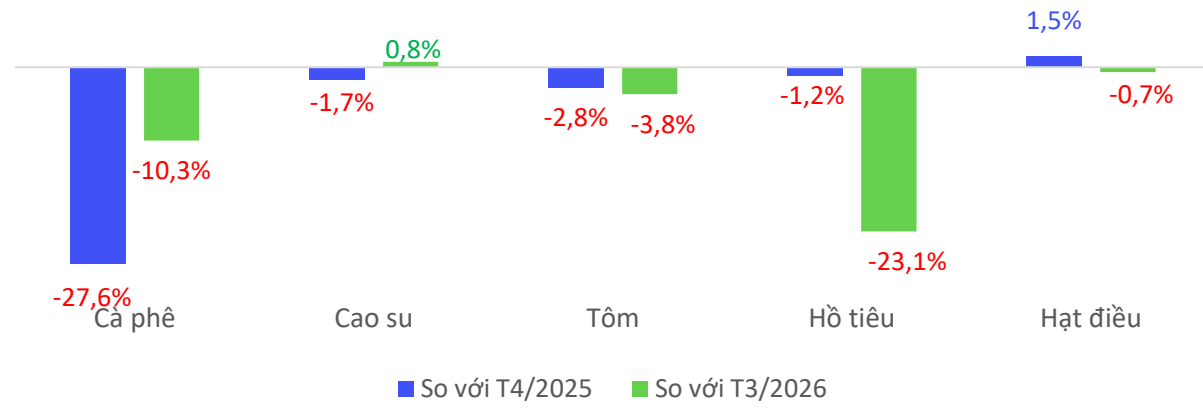
## Kim ngạch xuất khẩu NLTS chính Việt Nam sang Nhật Bản, T4/2026



## Biến động giá trị XK NLTS chính sang thị trường Nhật Bản, T4/2026 so với T3/2026



## Biến động giá XK bình quân của một số sản phẩm NLTS chính sang thị trường Nhật Bản, T4/2026 so với tháng trước và cùng kỳ 2025



Nguồn: Tổng hợp từ số liệu của Cục Hải quan

## Kinh tế Nhật Bản tiếp tục phục hồi trong tháng 5

Trong báo cáo kinh tế tháng 5/2026 mới công bố, Chính phủ Nhật Bản giữ nguyên đánh giá kinh tế hàng tháng, nhưng cảnh báo về tác động của xung đột Trung Đông đối với lợi nhuận doanh nghiệp khi sự gián đoạn chuỗi cung ứng dầu mỏ kéo dài.

Đánh giá này được đưa ra trong bối cảnh kinh tế Nhật Bản quý I/2026 tăng trưởng 2,1% so với cùng kỳ năm trước, nhờ xuất

khẩu, đầu tư kinh doanh và tiêu dùng tư nhân phục hồi. Dù vậy, áp lực chi phí đang gia tăng khi giá bán buôn tháng 4/2026 tăng 4,9% so với cùng kỳ, mức tăng nhanh nhất trong khoảng 3 năm, chủ yếu do giá dầu thô tăng mạnh.

Chính phủ Nhật Bản đánh giá tiêu dùng cá nhân tiếp tục phục hồi, trong khi đầu tư kinh doanh, xây dựng nhà ở và đầu tư công vẫn ổn định. Tuy nhiên, giá thực phẩm và năng lượng tăng vẫn là yếu tố cần theo dõi trong thời gian tới.



Nguồn: vtv.vn

## Nhật Bản bơm kỷ lục gần 74 tỷ USD để hỗ trợ đồng yên

Bộ Tài chính Nhật Bản cho biết nước này đã chi kỷ lục 11,73 nghìn tỷ yên, tương đương 73,6 tỷ USD, từ ngày 28/4 đến 27/5 để hỗ trợ đồng yên. Đây là lần đầu tiên Chính phủ Nhật Bản can thiệp vào thị trường ngoại hối kể từ năm 2024, sau khi đồng yên có thời điểm giảm xuống 160,72/USD.

Quy mô can thiệp kỷ lục cho thấy Nhật Bản

quyết tâm hạn chế đà mất giá của đồng yên, dù hiệu quả vẫn còn gây tranh luận khi đồng tiền này tiếp tục chịu sức ép.

Thị trường hiện chờ thêm dữ liệu chi tiết về các đợt can thiệp và quyết định chính sách sắp tới của Ngân hàng Trung ương Nhật Bản (BOJ), trong đó khả năng nâng lãi suất có thể giúp giảm áp lực lên đồng yên.



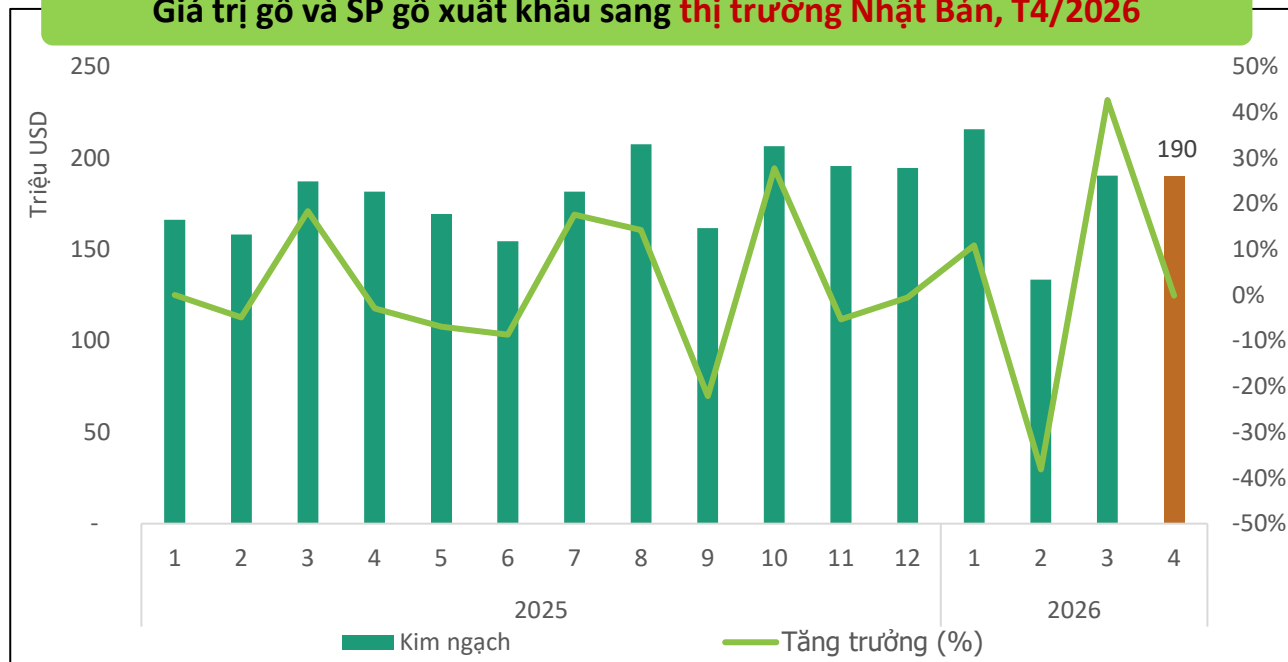
Nguồn: vneconomy.vn





# GỖ VÀ SP GỖ

## Giá trị gỗ và SP gỗ xuất khẩu sang thị trường Nhật Bản, T4/2026



## Kết quả xuất khẩu gỗ và SP gỗ sang thị trường Nhật Bản, T4/2026

### KIM NGẠCH

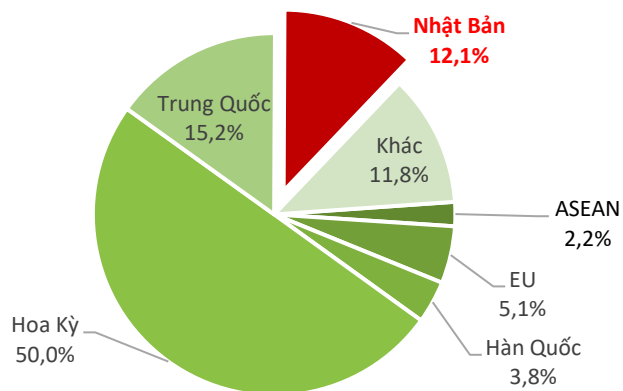


# 190

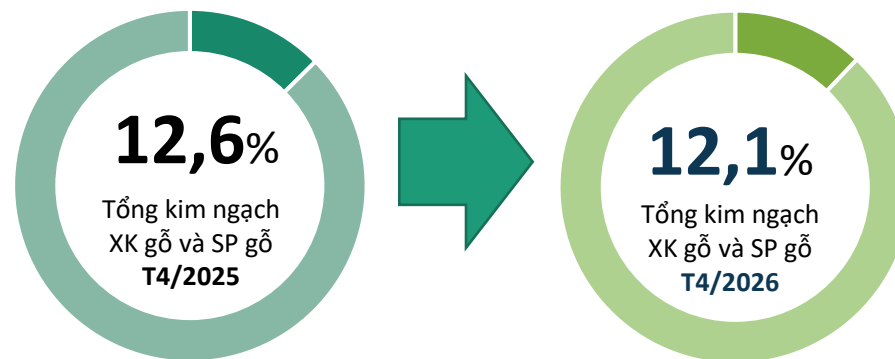
triệu USD

- ↘ Giảm **0,1%** so với T3/2026
- ↗ Tăng **4,6%** so với T4/2025
- ↗ Cao hơn **9,7 triệu USD** so với bình quân theo tháng năm 2025
- ❖ Lũy kế 4 tháng đầu năm 2026 đạt **540,0** triệu USD, đạt **24,9%** kim ngạch năm 2025

## Tỷ trọng giá trị gỗ và SP gỗ VN sang thị trường Nhật Bản, T4/2026



## Biến động tỷ trọng giá trị gỗ và SP gỗ VN sang thị trường Nhật Bản, T4/2026





# GỠ VÀ SP GỠ

## Cơ cấu chủng loại gỗ và SP gỗ XK sang thị trường Nhật Bản, T4/2026



## Kết quả xuất khẩu gỗ và SP gỗ sang thị trường Nhật Bản, T4/2026



### Dăm gỗ

Kim ngạch: **117,0** triệu USD

Giảm **11%** so với T3/2026

Giảm **9%** so với T4/2025



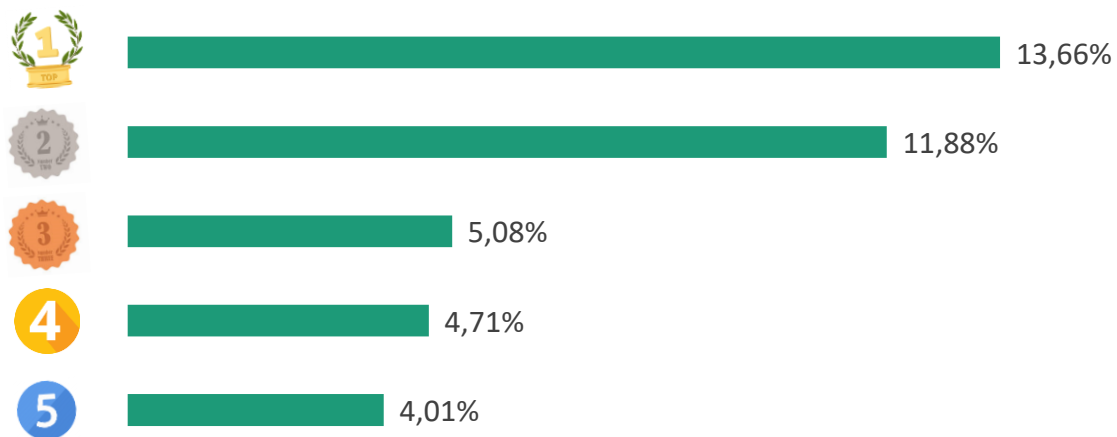
### Gỗ dán

Kim ngạch: **9,8** triệu USD

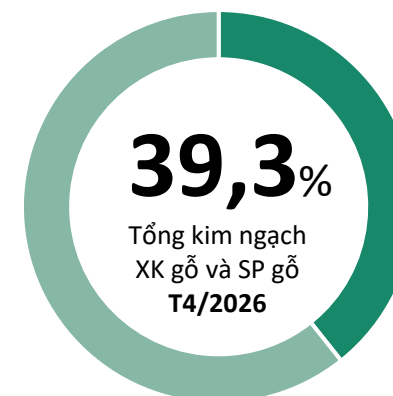
Tăng **11%** so với T3/2026

Tăng **21%** so với T4/2025

## TOP 5 doanh nghiệp về kim ngạch XK sang thị trường Nhật Bản, T4/2026



## Tỷ trọng về kim ngạch của TOP 5 DN XK sang thị trường Nhật Bản, T4/2026





# GỖ VÀ SP GỖ

## ĐIỂM TIN THỊ TRƯỜNG GỖ VÀ SP GỖ NHẬT BẢN



Xung đột tại Trung Đông và nguy cơ gián đoạn nguồn cung đã khiến nhiều doanh nghiệp Nhật Bản đẩy mạnh mua dự trữ ván ép gỗ cứng nhiệt đới nhập khẩu, tương tự làn sóng mua đầu cơ đối với ván ép kết cấu gỗ mềm trong nước. Nguyên nhân là do lo ngại ảnh hưởng đến nguồn cung nguyên liệu sản xuất keo dán – đầu vào quan trọng của ngành ván ép.

Mặc dù nhu cầu xây dựng nhà ở tại Nhật Bản vẫn thấp, một số nhà mua hàng đã tăng đặt hàng do dự báo giá sẽ tiếp tục tăng. Các nhà máy ván ép cũng thận trọng vì tồn kho không dồi dào và triển vọng nguồn nguyên liệu còn nhiều bất ổn.

Áp lực chi phí đang gia tăng trên toàn chuỗi cung ứng. Giá dầu tăng khiến các hãng tàu container áp dụng phụ phí nhiên liệu khẩn cấp từ 50–200 USD/container, làm tăng chi phí vận chuyển nguyên liệu nhập khẩu, đặc biệt đối với hàng hóa từ châu Âu.

Đối với ván ép gỗ cứng nhiệt đới nhập khẩu vào Nhật Bản, giá xuất khẩu từ Indonesia và Malaysia vẫn duy trì ở mức cao. Các nhà sản xuất Indonesia đang trì hoãn đàm phán hợp đồng nhằm chuyển phần chi phí tăng thêm về keo dán và vận tải sang cho người mua.

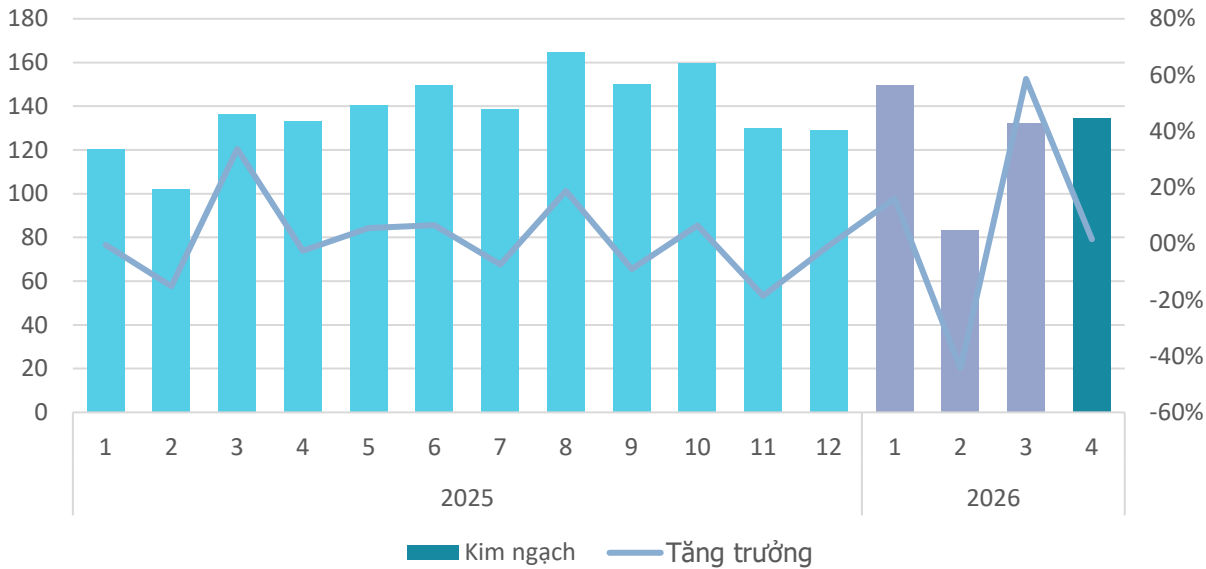


TIN LIÊN QUAN



# THỦY SẢN

## Giá trị xuất khẩu thủy sản sang thị trường Nhật Bản, T4/2026



## Kết quả xuất khẩu thủy sản sang thị trường Nhật Bản, T4/2026

### KIM NGẠCH

# 134,4 triệu USD



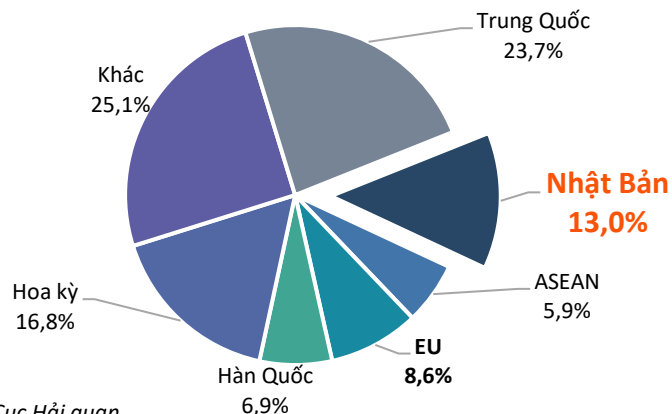
➔ Tăng **1,6%** so với T3/2026

➔ Tăng **0,9%** so với T4/2025

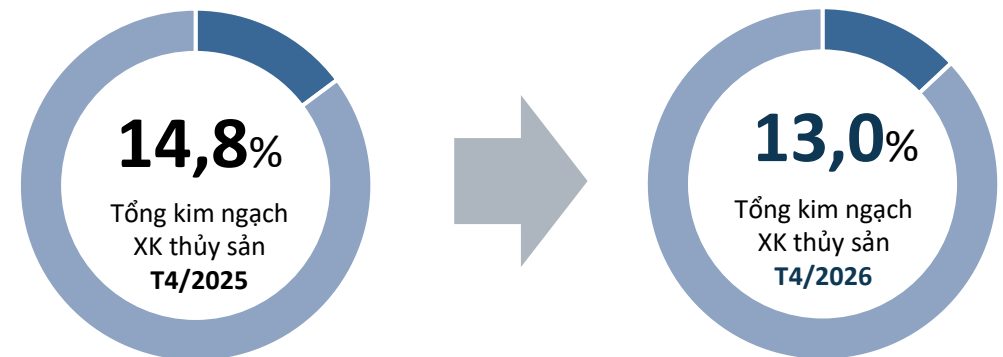
▼ Thấp hơn **5,9** triệu USD so với bình quân theo tháng năm 2025

❖ Lũy kế 4 tháng 2026 đạt **499,7** triệu USD, đạt **29,7%** kim ngạch năm 2025

## Tỷ trọng giá trị thủy sản Việt Nam sang thị trường Nhật Bản, T4/2026



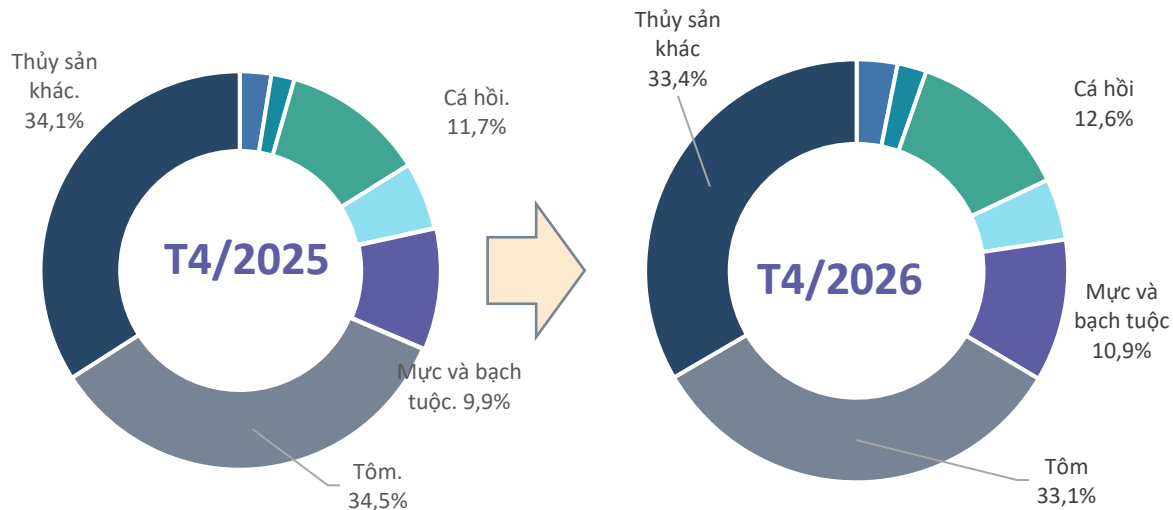
## Biến động tỷ trọng giá trị thủy sản sang thị trường Nhật Bản, T4/2026





# THỦY SẢN

## Cơ cấu chủng loại thủy sản xuất khẩu sang thị trường Nhật Bản, T4/2026



## Kết quả xuất khẩu thủy sản sang thị trường Nhật Bản, T4/2026



### Cá hồi

Kim ngạch: **16,9** Triệu USD  
 Tăng **16,1%** so với T3/2026  
 Tăng **9,3%** so với T4/2025



### Tôm

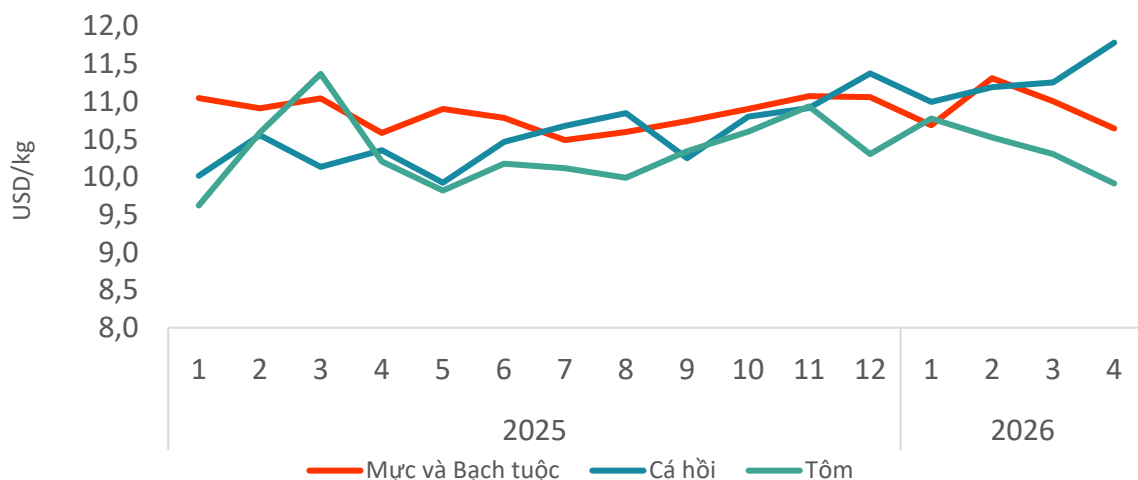
Kim ngạch: **44,3** Triệu USD  
 Giảm **66%** so với T3/2026  
 Giảm **2,8%** so với T4/2025



### Mực và bạch tuộc

Kim ngạch: **14,6** Triệu USD  
 Tăng **7,7%** so với T3/2026  
 Tăng **11,9%** so với T4/2025

## Giá thủy sản xuất khẩu bình quân sang thị trường Nhật Bản, T4/2026



### Mực và Bạch tuộc

Giá xuất khẩu bình quân trong T4/2026 ở mức **10,6** USD/kg; **giảm 3,3%** so với tháng trước; và **tăng 0,5%** so với cùng kỳ năm 2025.

### Cá hồi

Giá xuất khẩu bình quân trong T4/2026 ở mức **11,8** USD/kg; **tăng 4,7%** so với tháng trước; và **tăng 13,8%** so với cùng kỳ năm 2025.

### Tôm

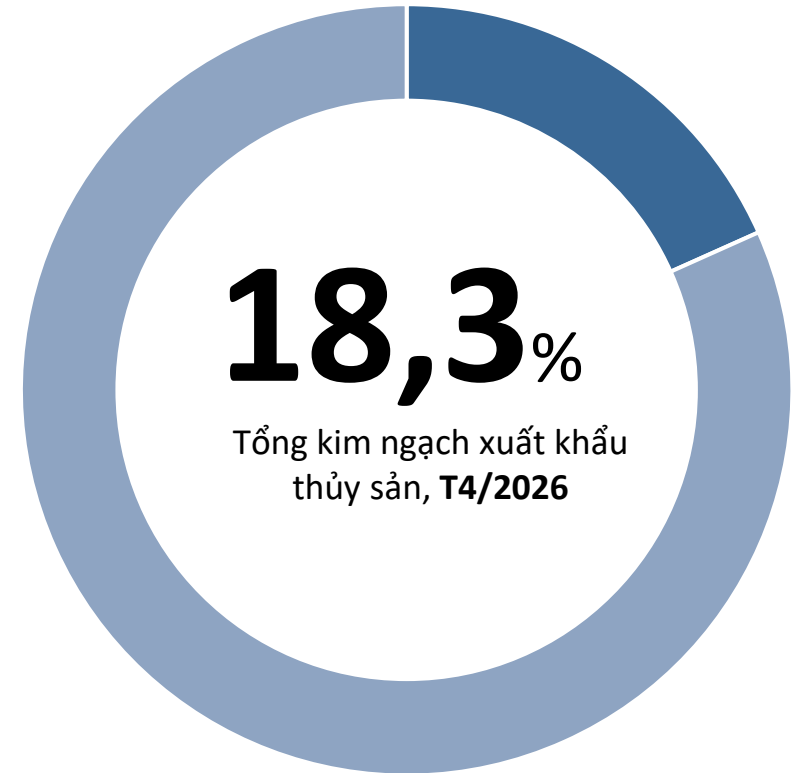
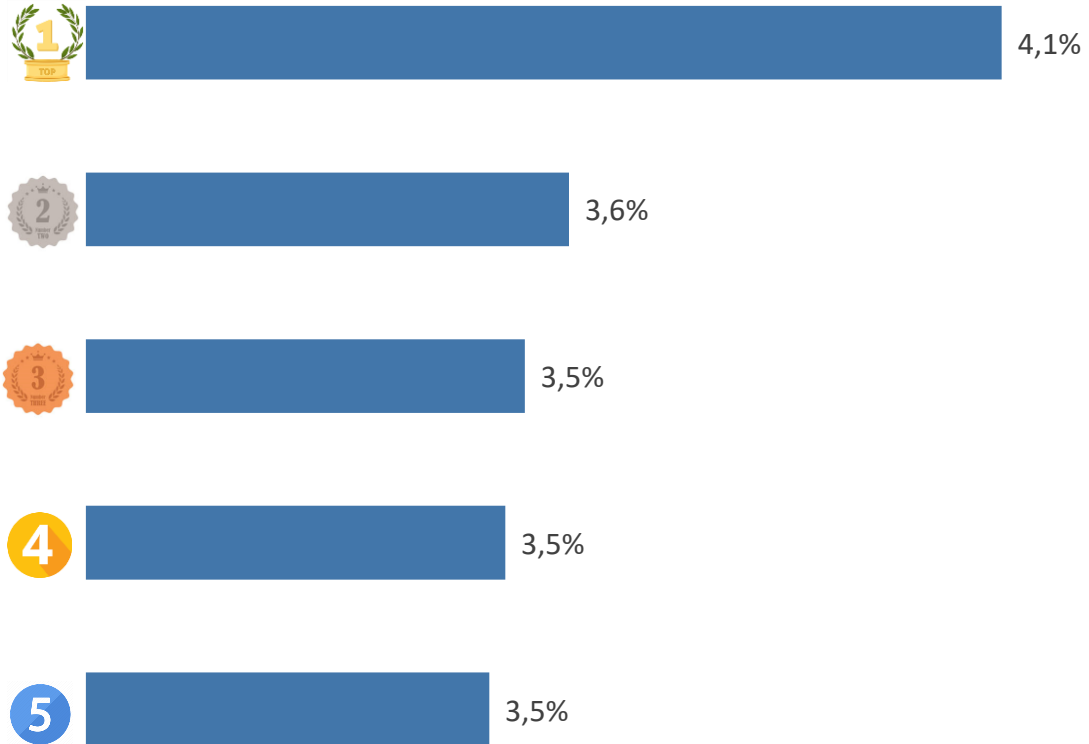
Giá xuất khẩu bình quân trong T4/2026 ở mức **9,9** USD/kg; **giảm 3,8%** so với tháng trước; và **giảm 2,8%** so với cùng kỳ năm 2025.



# THỦY SẢN

TOP 5 doanh nghiệp về kim ngạch XK sang thị trường Nhật Bản, T4/2026

Tỷ trọng về kim ngạch của TOP 5 DN XK sang thị trường Nhật Bản, T4/2026



### **Xuất khẩu thủy sản sang Nhật dịch chuyển theo nhu cầu tiêu dùng mới**

Trong 4 tháng đầu năm 2026, xuất khẩu thủy sản Việt Nam sang Nhật Bản đạt 429,1 triệu USD, tăng 1,8% so với cùng kỳ năm trước. Thị trường Nhật đang chuyển dịch rõ rệt sang các sản phẩm chế biến sâu, tiện lợi, giá phù hợp và đáp ứng áp lực chi tiêu của người tiêu dùng.

Đồng Yên yếu, chi phí nhập khẩu tăng và chi tiêu hộ gia đình suy giảm khiến các nhà nhập khẩu Nhật Bản thận trọng hơn trong việc mua hàng. Thay vì tăng mạnh sản lượng, thị trường này đang ưu tiên các sản phẩm dễ tiêu thụ, tối ưu chi phí và phù hợp với xu hướng ăn nhanh, tiện lợi.

Nhờ xu hướng này, một số nhóm hàng của Việt Nam như tôm thẻ chân trắng chế biến, mực, bạch tuộc, cá thu, sò điệp và cá tra ghi nhận tăng trưởng tích cực; trong khi đó, các sản phẩm cao cấp hoặc nguyên liệu thô chịu sức ép lớn hơn. Điều này cho thấy Nhật Bản vẫn là thị trường tiềm năng nhưng đòi hỏi doanh nghiệp Việt phải thích ứng theo hướng chế biến sâu và tham gia sâu hơn vào chuỗi cung ứng.



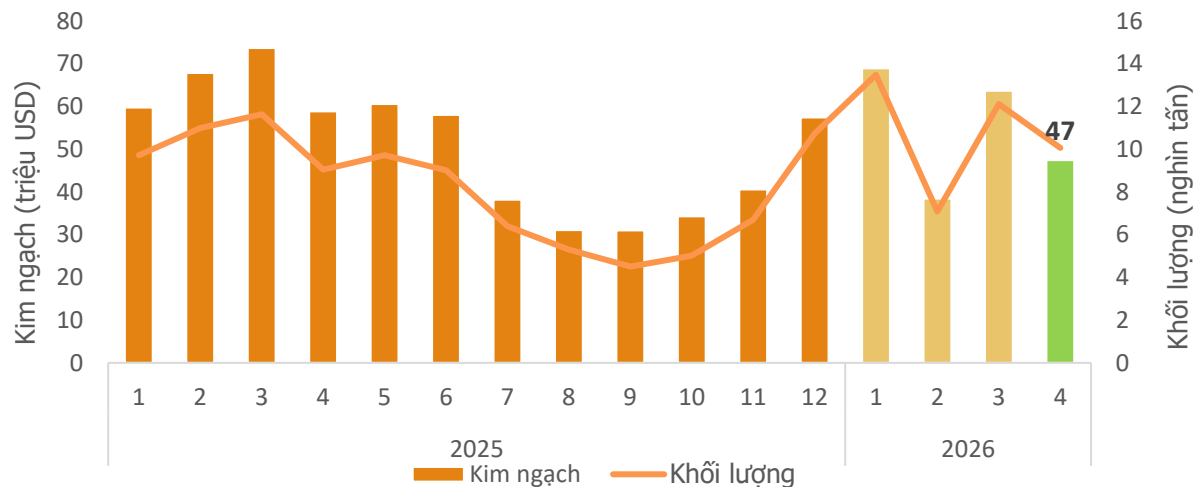
Nguồn: Vasep



Tin liên quan

# CÀ PHÊ

## Khối lượng và giá trị cà phê xuất khẩu sang thị trường Nhật Bản, T4/2026



## Kết quả xuất khẩu cà phê sang thị trường Nhật Bản, T4/2026

### KIM NGẠCH

**47,4** triệu USD

↘ Giảm **25,5%** so với T3/2026

↘ Giảm **19,4%** so với T4/2025

↘ Thấp hơn **3,5** triệu USD so với bình quân theo tháng năm 2025.

❖ Giá trị xuất khẩu 4 tháng năm 2026 đạt **218,5** tr.USD, đạt **35,7%** kim ngạch năm 2025.

### KHỐI LƯỢNG

**10,1** nghìn tấn

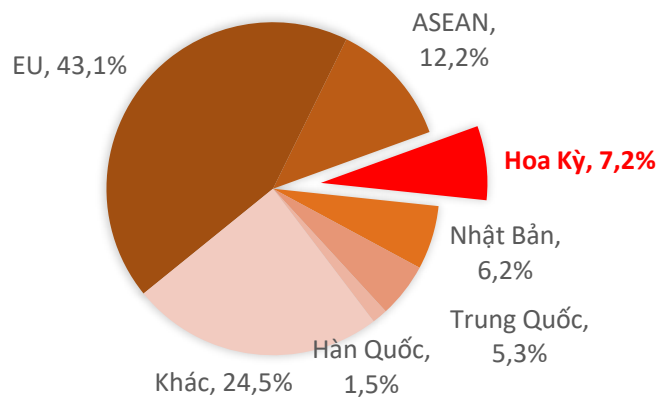
↘ Giảm **16,9%** so với T3/2026

↗ Tăng **11,3%** so với T4/2025

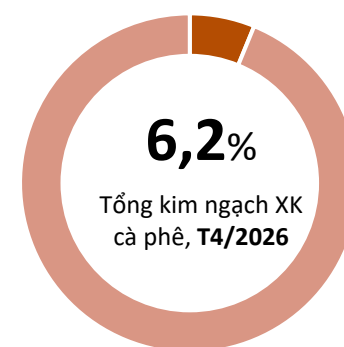
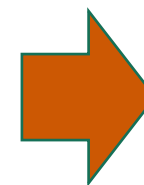
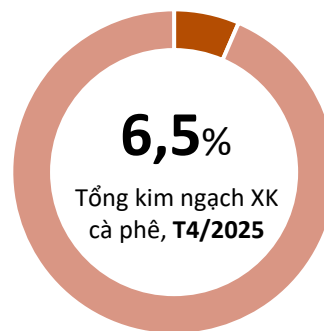
↗ Cao hơn **1,8** nghìn tấn so với bình quân theo tháng năm 2025.

❖ Khối lượng xuất khẩu 4 tháng năm 2026 đạt **42,7** nghìn tấn, đạt **43,3%** khối lượng năm 2025.

## Tỷ trọng giá trị cà phê Việt Nam sang thị trường Nhật Bản, T4/2026

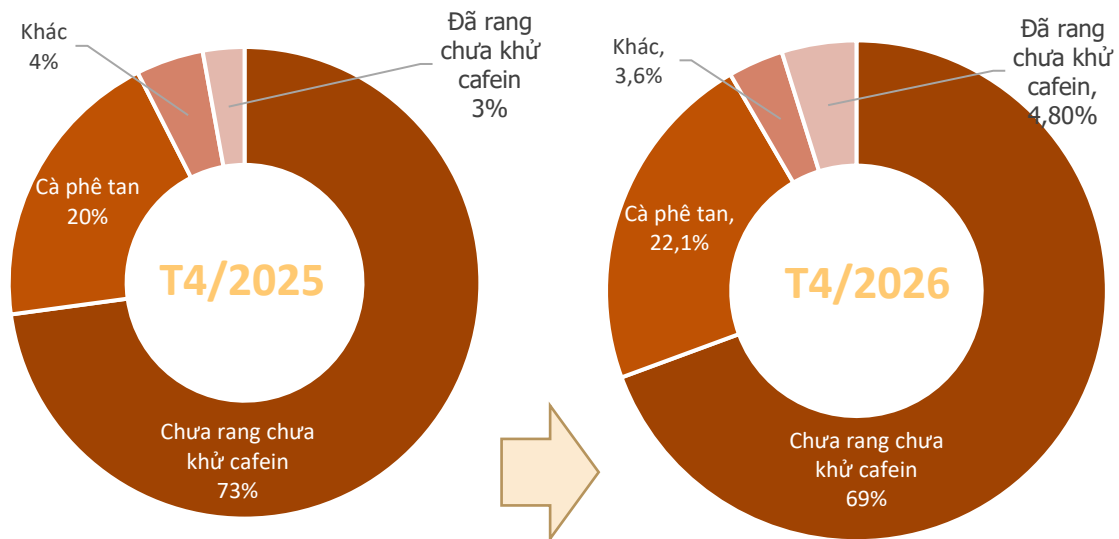


## Biến động tỷ trọng giá trị cà phê XK sang thị trường Nhật Bản, T4/2026

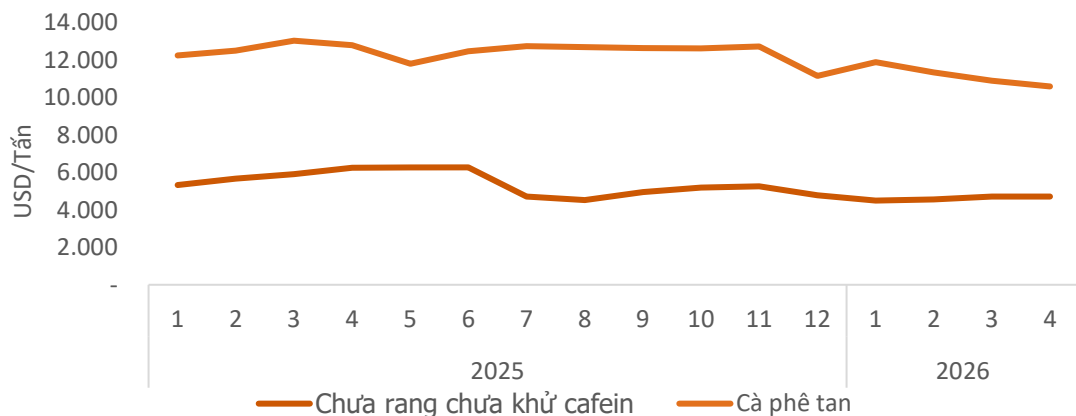


# CÀ PHÊ

## Cơ cấu chủng loại cà phê xuất khẩu sang thị trường Nhật Bản, T4/2026



## Giá cà phê xuất khẩu bình quân sang thị trường Nhật Bản, T4/2026



## Kết quả xuất khẩu cà phê sang thị trường Nhật Bản, T4/2026



**Chưa rang chưa khử caffein**

Kim ngạch: **32,8** Triệu USD  
Giảm **14,7%** so với T3/2026  
Giảm **18,4%** so với T4/2025



**Cà phê tan**

Kim ngạch: **10,5** Triệu USD  
Giảm **44,2%** so với T3/2026  
Giảm **3,1%** so với T4/2025



**Đã rang chưa khử caffein**

Kim ngạch: **2,3** Triệu USD  
Giảm **7,7%** so với T3/2026  
Tăng **45,3%** so với T4/2025

### Cà phê tan

Giá xuất khẩu bình quân trong T4/2026 ở mức **10.597** USD/tấn, giảm **2,8%** so với tháng trước, và giảm **17,2%** so với cùng kỳ năm 2025.

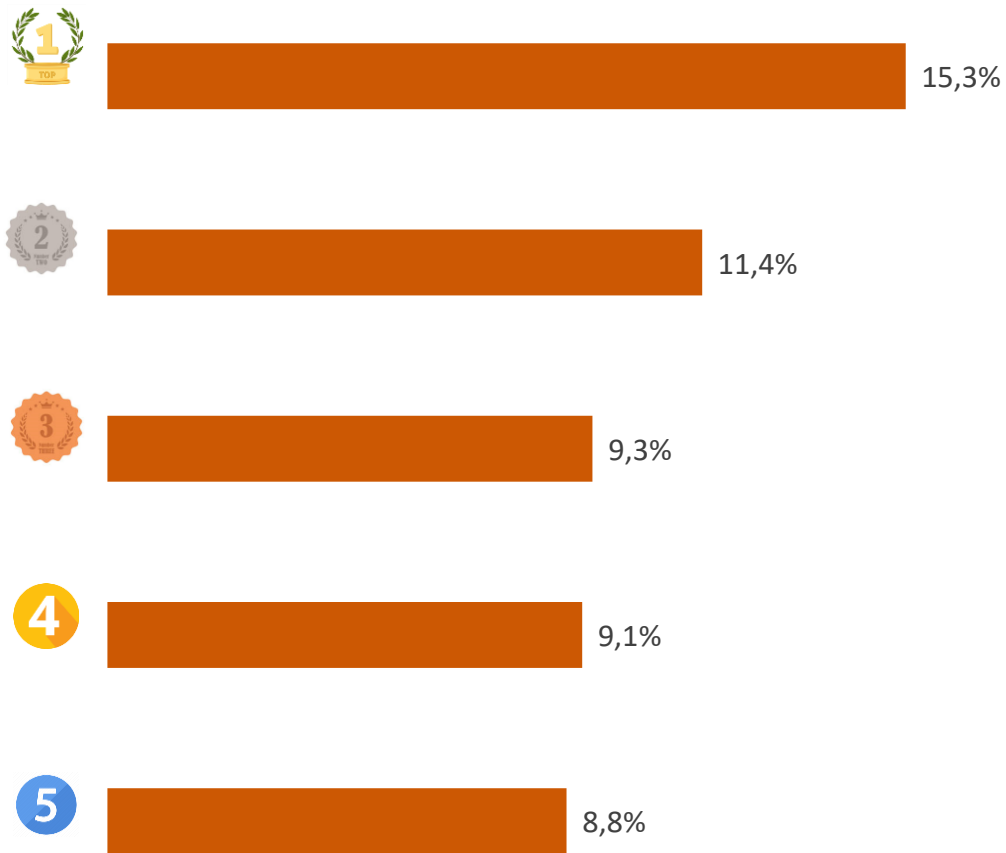
### Cà phê chưa rang chưa khử caffein

Giá xuất khẩu bình quân trong T4/2026 ở mức **4.707** USD/tấn; giảm **0,3%** so với tháng trước, và giảm **24,8%** so với cùng kỳ năm 2025.

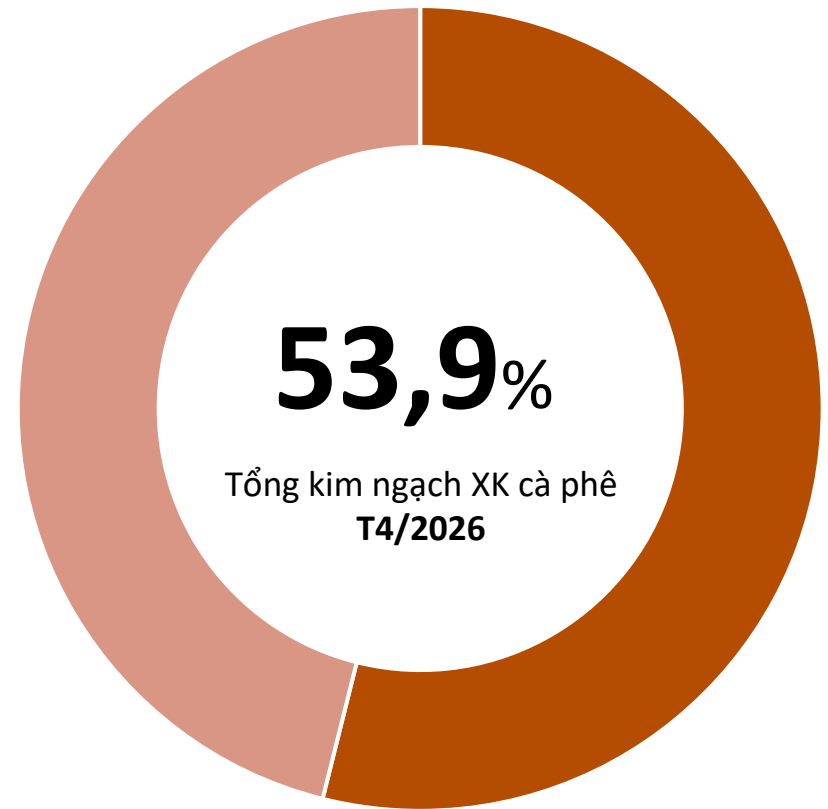


# CÀ PHÊ

TOP 5 doanh nghiệp về kim ngạch XK sang thị trường Nhật Bản, T4/2026



Tỷ trọng về kim ngạch của TOP 5 DN XK sang thị trường Nhật Bản, T4/2026





Theo Hiệp hội Cà phê Nhật Bản, tồn kho cà phê nhân xanh của Nhật Bản tính đến cuối tháng 2 đạt 151.404 tấn, tương đương khoảng 2,5 triệu bao loại 60 kg. Mức tồn kho này giảm 3% so với tháng trước, khi đạt 156.056 tấn, và thấp hơn 15% so với cùng kỳ năm trước.[1]

Nhật Bản tiếp tục là một trong những thị trường tiêu thụ cà phê ổn định và yêu cầu tiêu chuẩn cao nhất châu Á, với khoảng 74,3% người dân uống cà phê thường xuyên và tổng tiêu thụ năm 2025 đạt khoảng 397,3 nghìn tấn. Nhu cầu cà phê tại nước này được dự báo tiếp tục tăng, có thể đạt khoảng 473 nghìn tấn vào năm 2028 và gần 480 nghìn tấn vào năm 2030.[2]

Trong 2 tháng đầu năm 2026, Việt Nam xuất khẩu sang Nhật Bản vẫn chủ yếu là Robusta, chiếm 63% tổng trị giá, trong khi cà phê chế biến chiếm 30,7% và Arabica chỉ chiếm 6,2%.[2]





# RAU QUẢ (XUẤT KHẨU)

## Giá trị rau quả xuất khẩu sang thị trường Nhật Bản, T4/2026



## Kết quả xuất khẩu rau quả sang thị trường Nhật Bản, T4/2026

**KIM NGẠCH**

**20,7**  
triệu USD

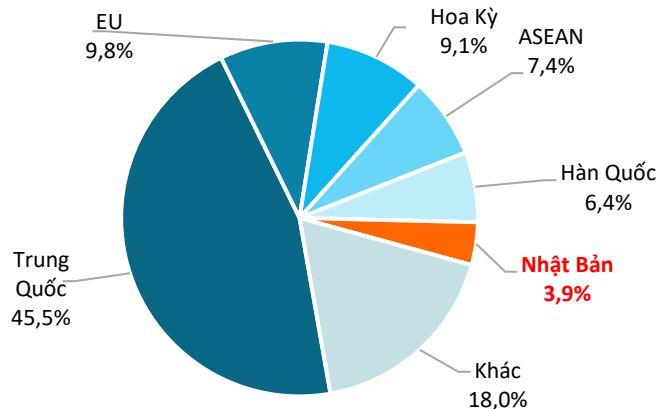
Giảm **11,7%** so với T3/2026

Giảm **0,9%** so với T4/2025

Cao hơn **0,82 triệu USD** so với bình quân theo tháng năm 2025

Lũy kế 4 tháng năm 2026 đạt **78,8 triệu USD**, đạt **33,1%** kim ngạch năm 2025

## Tỷ trọng giá trị rau quả Việt Nam sang thị trường Nhật Bản, T4/2026



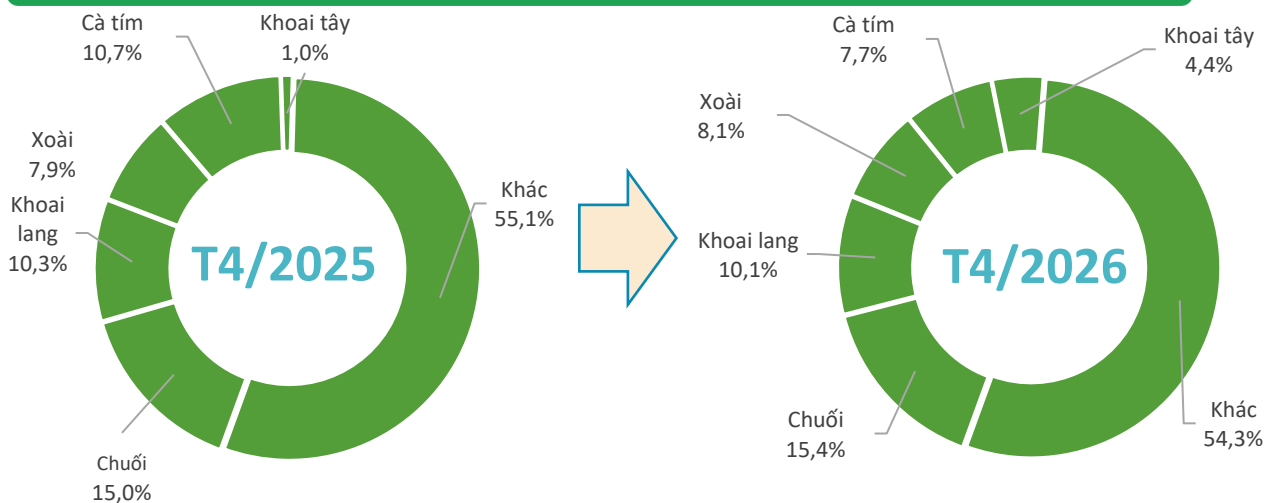
## Biến động tỷ trọng giá trị rau quả XK sang thị trường Nhật Bản, T4/2026





# RAU QUẢ (XUẤT KHẨU)

## Cơ cấu chủng loại rau quả xuất khẩu sang thị trường Nhật Bản, T4/2026



## Kết quả xuất khẩu rau quả sang thị trường Nhật Bản, T4/2026



### Chuối

Kim ngạch: **3,2** triệu USD

Giảm **3,6%** so với T3/2026

Tăng **2,2%** so với T4/2025



### Khoai lang

Kim ngạch: **2,1** triệu USD

Tăng **17,5%** so với T3/2026

Giảm **2,7%** so với T4/2025



### Xoài

Kim ngạch: **1,7** triệu USD

Tăng **4,3%** so với T3/2026

Tăng **1,4%** so với T4/2025



### Cà tím

Kim ngạch: **1,6** triệu USD

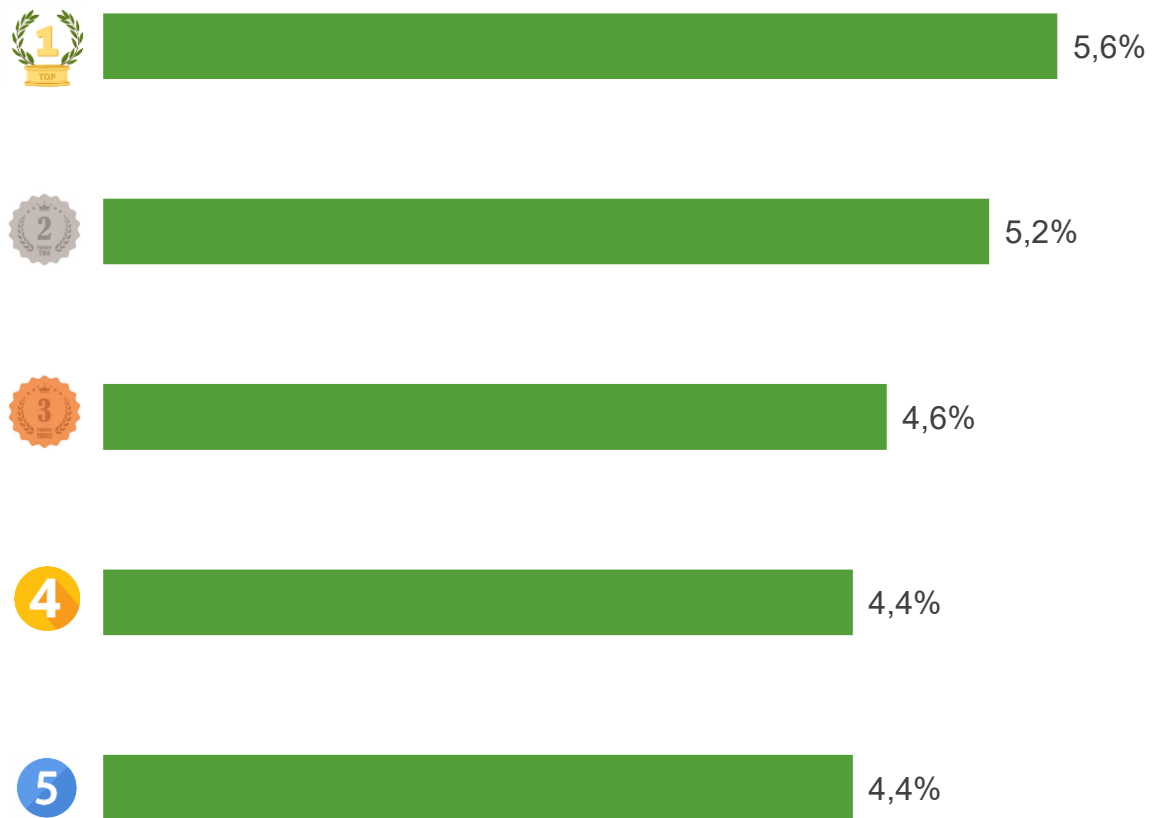
Giảm **38,9%** so với T3/2026

Giảm **29,3%** so với T4/2025

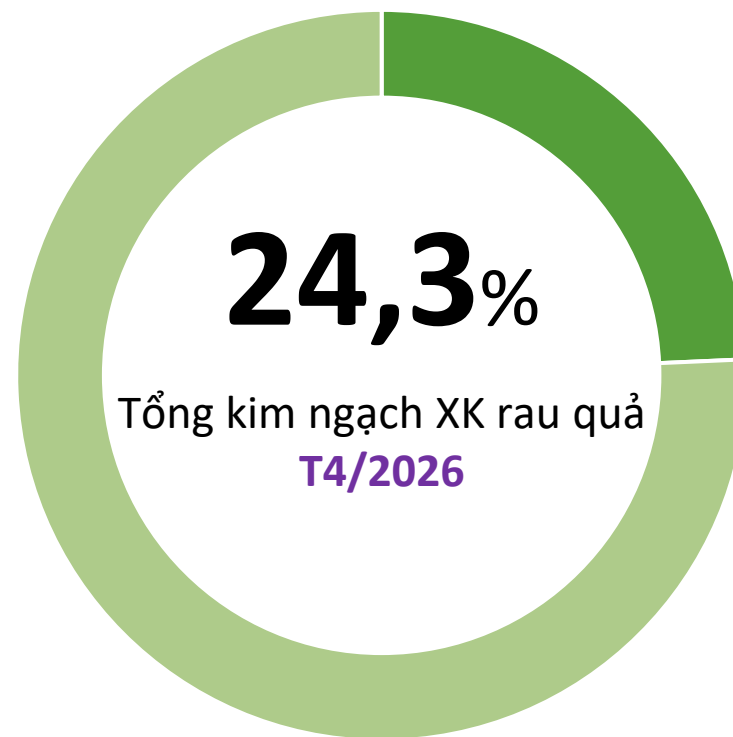


# RAU QUẢ (XUẤT KHẨU)

TOP 5 doanh nghiệp về kim ngạch xuất khẩu sang thị trường Nhật Bản, T4/2026



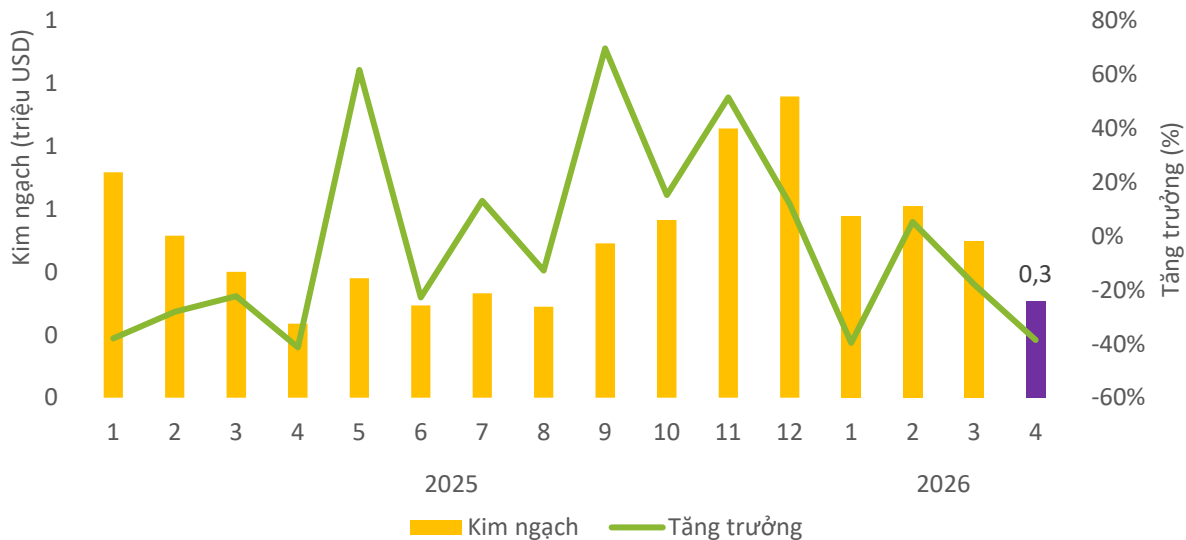
Tỷ trọng về kim ngạch của TOP 5 doanh nghiệp xuất khẩu sang thị trường Nhật Bản, T4/2026





# RAU QUẢ (NHẬP KHẨU)

## Giá trị rau quả nhập khẩu từ thị trường Nhật Bản, T4/2026



## Kết quả nhập khẩu rau quả từ thị trường Nhật Bản, T4/2026

KIM NGẠCH



0,3

triệu USD

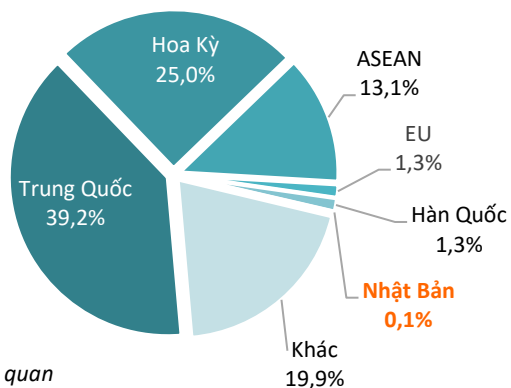
Giảm **38,6%** so với T3/2026

Tăng **30,4%** so với T4/2025

Thấp hơn **196,2 nghìn USD** so với bình quân theo tháng năm 2025

Lũy kế 4 tháng năm 2026 đạt **2,0 triệu USD**, đạt **33,0%** kim ngạch năm 2025

## Tỷ trọng giá trị rau quả Việt Nam NK từ thị trường Nhật Bản, T4/2026



## Biến động tỷ trọng giá trị rau quả VN NK từ thị trường Nhật Bản, T4/2026



# Rau quả

## ĐIỂM TIN THỊ TRƯỜNG RAU QUẢ NHẬT BẢN



Tin liên quan

### Việt Nam - Nhật Bản hướng tới mở cửa thị trường trái cây

Ngày 11/5 tại Hà Nội, Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường Trịnh Việt Hùng đã tiếp ông Nagasaki Kotaro, Thống đốc tỉnh Yamanashi, Nhật Bản, nhằm thúc đẩy hợp tác nông nghiệp và mở cửa thị trường trái cây song phương. Yamanashi là vùng sản xuất trái cây trọng điểm của Nhật Bản, nổi tiếng với nho và đào, trong đó sản lượng nho chiếm hơn một nửa cả nước. Phía Yamanashi đề nghị sớm hoàn tất thủ tục mở cửa thị trường cho nho Nhật Bản và bưởi Việt Nam.

Bộ trưởng Trịnh Việt Hùng đánh giá đề xuất này khả thi, có lợi cho cả hai bên, đồng thời giao Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật phối hợp với phía Nhật Bản đàm phán để mở cửa thị trường trong năm 2026. Hai bên cũng thống nhất tăng cường hợp tác về nông nghiệp thông minh, phát thải thấp, quản lý chất lượng, bảo quản sau thu hoạch và đào tạo nhân lực nông nghiệp chất lượng cao.

Nguồn: [Nongnghiepmoitruong.vn](http://Nongnghiepmoitruong.vn)

# Rau quả

## ĐIỂM TIN THỊ TRƯỜNG RAU QUẢ NHẬT BẢN



### Giá nhiều loại rau tại Nhật Bản biến động mạnh so với trung bình 5 năm

Theo Bộ Nông nghiệp, Lâm nghiệp và Thủy sản Nhật Bản, tính đến ngày 21/5, giá một số loại rau tại Chợ bán buôn trung tâm Tokyo đang thấp hơn đáng kể so với mức trung bình cùng kỳ 5 năm. Trong đó, hành tây có giá 103 yên/kg, (khoảng 0,65 USD/kg), khoai tây đạt 153 yên/kg (0,96 USD/kg), và cà rốt ở mức 124 yên/kg (0,78 USD/kg), lần lượt đạt 69%, 73% và 82% so với mức trung bình.

Ngược lại, một số loại rau vẫn có giá cao hơn bình thường, gồm bắp cải cao hơn 135%, bông cải xanh cao hơn 121%, ớt chuông cao hơn 120% và cà chua lớn cao hơn 119% so với mức trung bình.

Nguồn: [Fructidor.com](https://www.fructidor.com)



Tin liên quan



# HỒ TIÊU

## Khối lượng và giá trị hồ tiêu xuất khẩu sang thị trường Nhật Bản, T4/2026



## Kết quả xuất khẩu hồ tiêu sang thị trường Nhật Bản, T4/2026

### KIM NGẠCH

**1,6** triệu USD



Giảm **46,4%** so với T3/2026

Giảm **9,0%** so với T4/2025

Thấp hơn **676,5 nghìn USD** so với bình quân theo tháng năm 2025

❖ Lũy kế 4 tháng đầu năm 2026 đạt 7,2 triệu USD, đạt **27%** kim ngạch năm 2025

### KHỐI LƯỢNG

**301** tấn



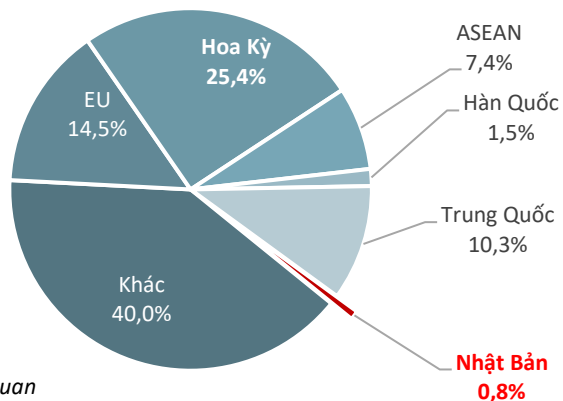
Giảm **30,3%** so với T3/2026

Giảm **8,0%** so với T4/2025

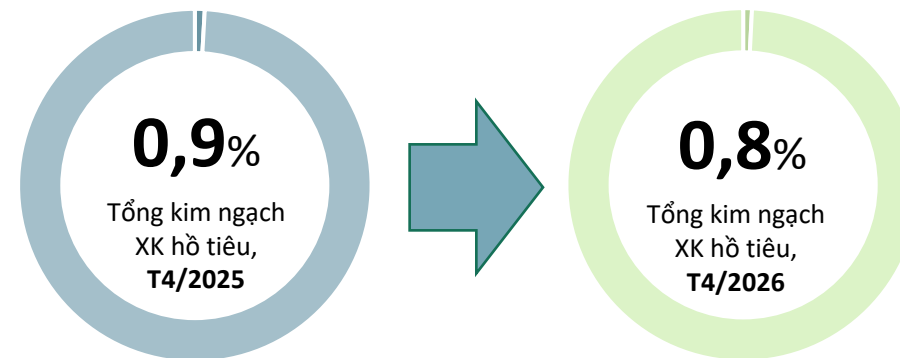
Thấp hơn **78 tấn** so với bình quân theo tháng năm 2025

❖ Lũy kế 4 tháng đầu năm 2026 đạt 1,2 nghìn tấn, đạt **26%** khối lượng năm 2025

## Tỷ trọng giá trị hồ tiêu của Việt Nam sang thị trường Nhật Bản, T4/2026



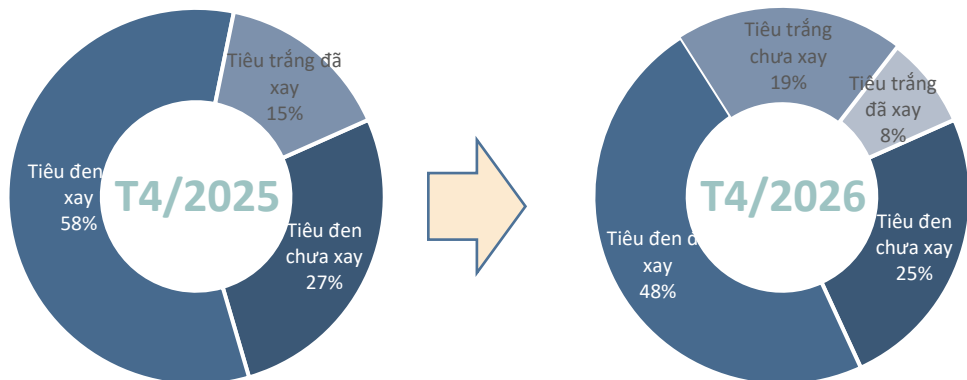
## Biến động tỷ trọng giá trị hồ tiêu của VN sang thị trường Nhật Bản, T4/2026





# HỒ TIÊU

## Cơ cấu chủng loại hồ tiêu xuất khẩu sang thị trường Nhật Bản, T4/2026



## Kết quả xuất khẩu hồ tiêu sang thị trường Nhật Bản, T4/2026



### Tiêu đen chưa xay

Kim ngạch: **0,39** triệu USD

Giảm **75%** so với T3/2026

Giảm **17%** so với T4/2025



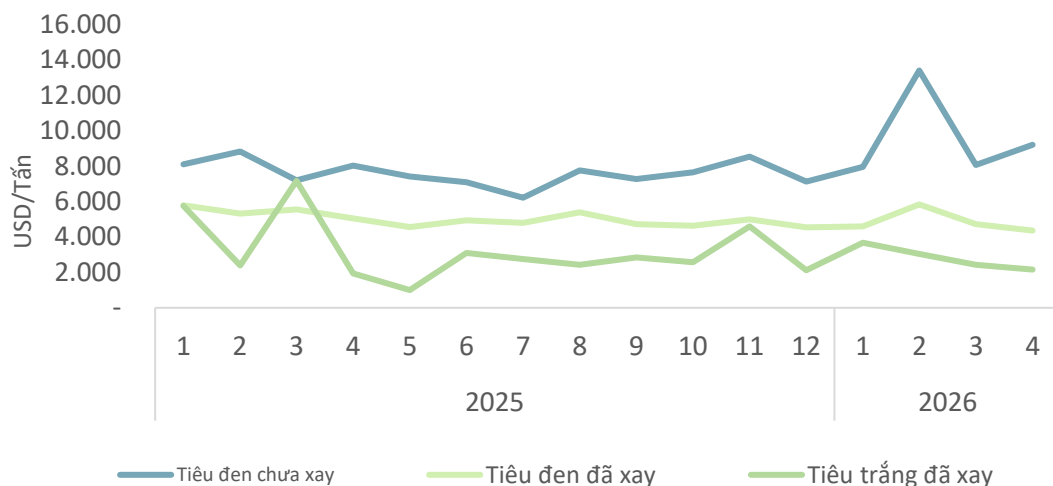
### Tiêu đen đã xay

Kim ngạch: **0,75** triệu USD

Giảm **33%** so với T3/2026

Giảm **25%** so với T4/2025

## Giá hồ tiêu xuất khẩu bình quân sang thị trường Nhật Bản, T4/2026



### Tiêu đen chưa xay

Giá xuất khẩu bình quân trong T4/2026 ở mức **9.208** USD/tấn; **tăng 14,2%** so với tháng trước; và **tăng 14,6%** so với cùng kỳ năm 2025.

### Tiêu đen đã xay

Giá xuất khẩu bình quân trong T4/2026 ở mức **4.357** USD/tấn; **giảm 7,8%** so với tháng trước; và **giảm 13,6%** so với cùng kỳ năm 2025.

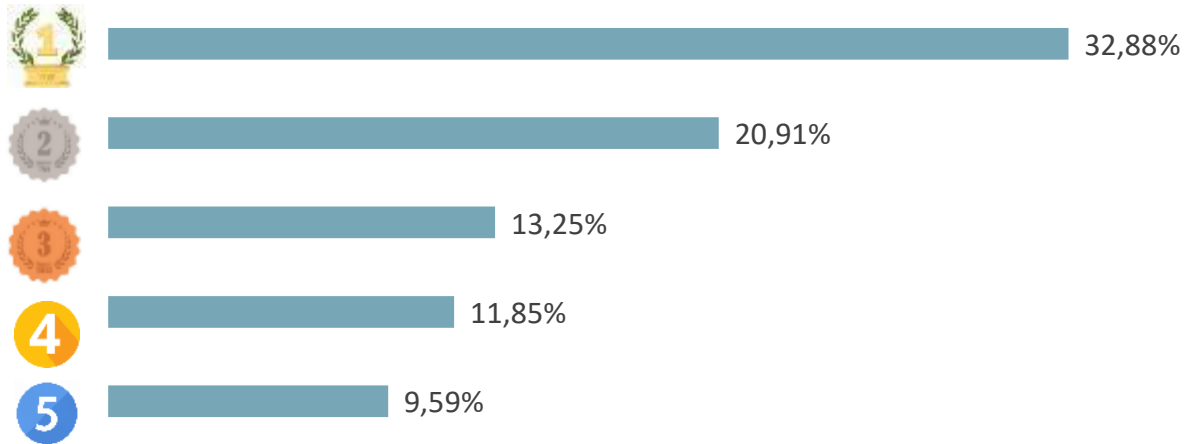
### Tiêu trắng đã xay

Giá xuất khẩu bình quân trong T4/2026 ở mức **2.163** USD/tấn; **giảm 10,9%** so với tháng trước; và **tăng 12,1%** so với cùng kỳ năm 2025.

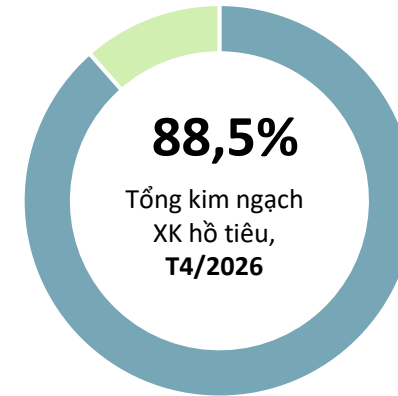


# HỒ TIÊU

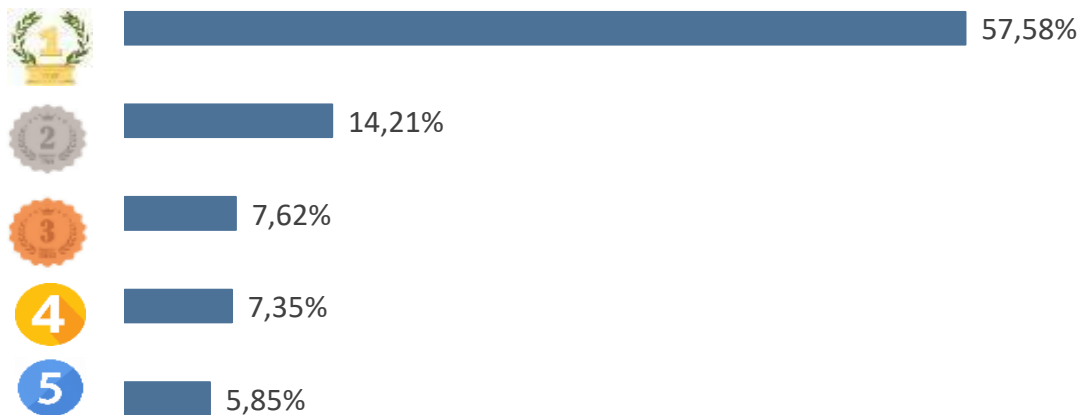
## TOP 5 doanh nghiệp về kim ngạch XK sang thị trường Nhật Bản, T4/2026



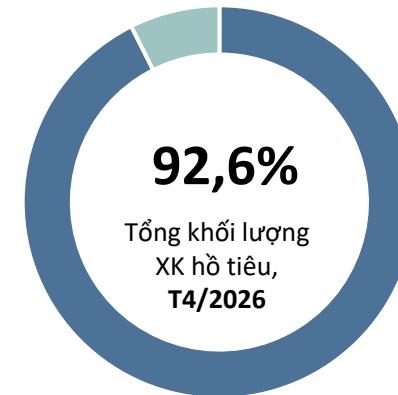
## Tỷ trọng về kim ngạch của TOP 5 doanh nghiệp xuất khẩu sang thị trường Nhật Bản, T4/2026



## TOP 5 doanh nghiệp về khối lượng xuất khẩu sang thị trường Nhật Bản, T4/2026



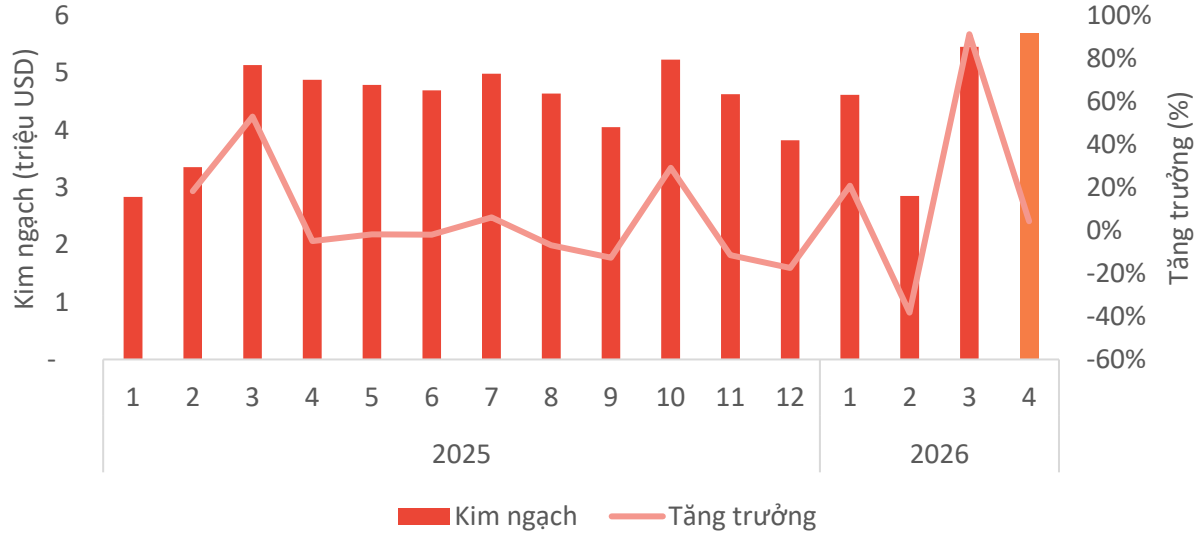
## Tỷ trọng về khối lượng của TOP 5 doanh nghiệp xuất khẩu sang thị trường Nhật Bản, T4/2026





# THỊT VÀ SP TỪ THỊT (XK)

## Giá trị xuất khẩu thịt và SP từ thịt sang thị trường Nhật Bản, T4/2026



## Kết quả xuất khẩu thịt và SP từ thịt sang thị trường Nhật Bản, T4/2026

### KIM NGẠCH



Tăng **4,2%** so với T3/2026

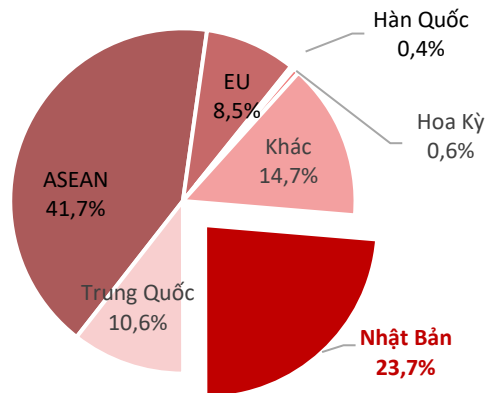
Tăng **16,5%** so với T4/2025

**5,69**  
triệu USD

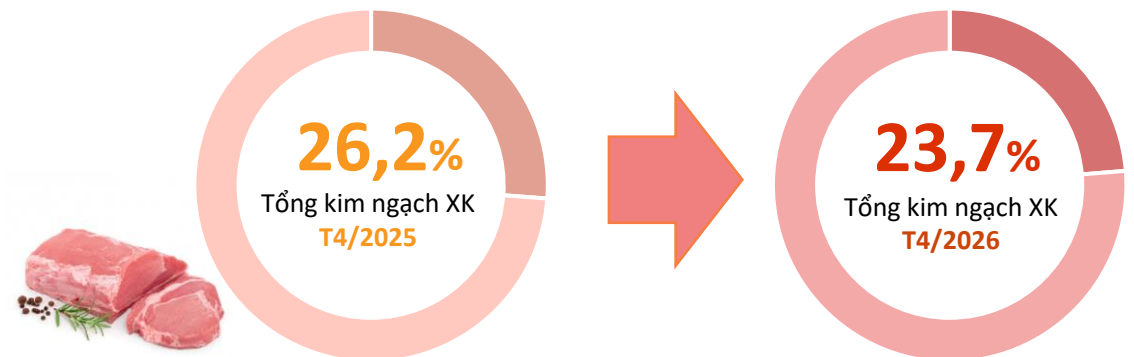
Cao hơn **1,3 triệu USD** so với bình quân theo tháng năm 2025

♦ Lũy kế 4 tháng đầu năm 2026 đạt **18,6 triệu USD**, đạt **35,1%** kim ngạch năm 2025

## Tỷ trọng giá trị XK thịt và SP từ thịt của VN sang thị trường Nhật Bản, T4/2026



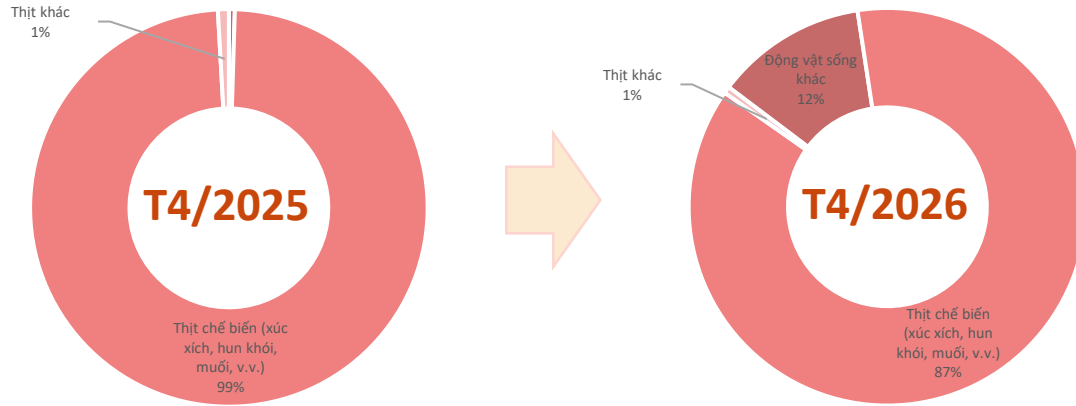
## Biến động tỷ trọng giá trị thịt & SP từ thịt của VN sang thị trường Nhật Bản, T4/2026





# THỊT VÀ SP TỪ THỊT (XK)

## Cơ cấu chủng loại thịt và SP từ thịt xuất khẩu sang thị trường Nhật Bản, T4/2026



## Kết quả xuất khẩu thịt và SP từ thịt sang thị trường Nhật Bản, T4/2026



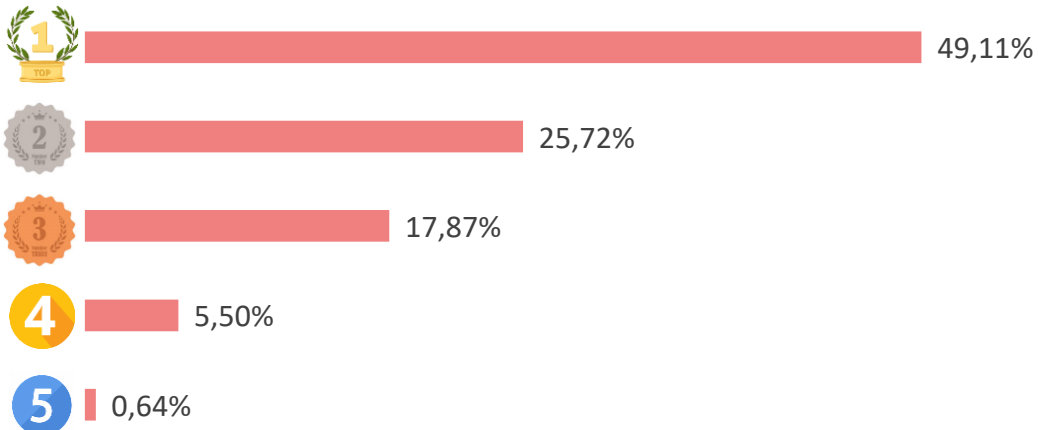
### Thịt chế biến (xúc xích, hun khói, muối,...)

Kim ngạch: **4,96** triệu USD

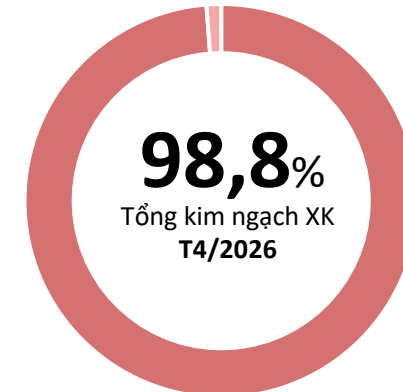
Giảm **7,4%** so với T3/2026

Tăng **3%** so với T4/2025

## TOP 5 doanh nghiệp về kim ngạch xuất khẩu thịt và SP từ thịt lớn nhất sang thị trường Nhật Bản, T4/2026



## Tỷ trọng về kim ngạch của TOP 5 doanh nghiệp xuất khẩu lớn nhất sang thị trường Nhật Bản, T4/2026





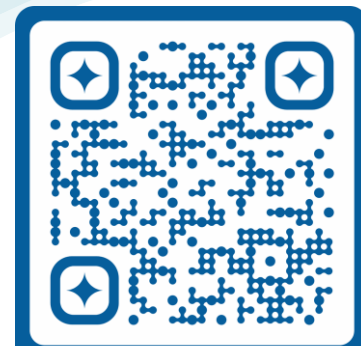
Ý kiến góp ý, xin vui lòng gửi đến:

**TRUNG TÂM THÔNG TIN VÀ DỊCH VỤ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG**  
VIỆN CHIẾN LƯỢC, CHÍNH SÁCH NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

Địa chỉ: *Số 16 Thụy Khuê, Tây Hồ, Hà Nội*

Email: [thongtinhitruong@ipsard.gov.vn](mailto:thongtinhitruong@ipsard.gov.vn); [info@agro.gov.vn](mailto:info@agro.gov.vn)

Website: <http://agro.gov.vn/>



Xem thêm báo cáo